

Số: 354/2018/QĐST-HNGĐ

Đông Triều, ngày 03 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 497/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa:

Chị Vũ Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Trần Đức C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đại đội X, Lữ Đoàn Y, Quân khu Z, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị M anh Trần Đức C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Các đương sự khẳng định có hai con chung: Trần Nam K, sinh ngày 20/4/2005 và Trần Văn T, sinh ngày 13/4/2014 và thỏa thuận thống nhất việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung: Trần Nam K, sinh ngày 20/4/2005 và Trần Văn T, sinh ngày 13/4/2014 kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đối với từng con chung là Trần Nam K, sinh ngày 20/4/2005 và Trần Văn T, sinh ngày 13/4/2014 kể từ tháng 11/2018 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí

- Chị Vũ Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003610, ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và trả lại chị M số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

- Anh Trần Đức C phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Tràng An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Nam